TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ **TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2025/DS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2025
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Phương Thuý
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Oanh -** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10-Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Tiến Tuân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, từ ngày 25/9/2025 đến ngày 27/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 123/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Nay là xã V, tỉnh Phú Thọ); Hiện đang cư trú tại Tổ A, phường V, thành phố Hà Nội, (Có mặt);

- *Bị đơn có yêu cầu phản tố:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Nay là xã V, tỉnh Phú Thọ), (Có mặt);

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị Q** sinh năm 1969; bà **Nguyễn Thị Y** sinh năm 1972; bà **Nguyễn Thị M** sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Nay là xã V, tỉnh Phú Thọ), (Đều vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt);

Chị Nguyễn Thị A, chị Nguyễn Thị Á, anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N; Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Nay là xã V, tỉnh Phú Thọ), (Đều vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2024 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Ngọc N1 (đã chết năm 2001) và cụ Nghiêm Thị L (sinh năm 1938 - chết năm 2014) sinh được 06 người con là: ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1961 (đã chết năm 2002), ông là Nguyễn Văn K sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1966, bà Nguyễn Thị Q sinh năm 1969, bà Nguyễn Thị Y sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị M sinh năm 1975. Ông T1 có vợ bà Nguyễn Thị C (đã chết cách đây 4 năm) và 04 người con là Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị N, hiện nay các con của ông T1 đều đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương nơi cư trú. Ông có thửa đất thổ cư số 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600 m^2 là của ông đã sử dụng từ năm 1987 đến nay nhưng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2023 ông có làm thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã L (nay là xã V) đã làm các thủ tục niêm yết thông báo công khai, trong quá trinh thực hiện công khai hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận thì em trai ông là Nguyễn Văn T đã có đơn đến UBND xã đề nghị tạm dừng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông vì lý do em trai ông cho rằng đất là của bố mẹ để lại. Tuy nhiên ông khẳng định thửa đất trên là của riêng ông, không liên quan gì đến bố mẹ và gia đình ông. Ông K có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường (Nay là Toà án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ) giải quyết: Xác nhận thửa đất thổ cư số 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600 m^2 là của ông để ông làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên toà ông K tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì lý do ông T có đơn yêu cầu phản tố nên ông để Toà án giải quyết yêu cầu của ông T trước, sau đó ông sẽ có yêu cầu giải quyết sau. Việc ông xin rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là em trai ruột của ông Nguyễn Văn K, về quan hệ gia đình bố mẹ ông sinh được 6 anh em như ông K đã trình ở trên là đúng. Khi bố mẹ ông còn sống, gia đình ông có thửa đất ao số thửa 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600m^2 là bố mẹ ông

đã sử dụng từ khi các ông còn chưa sinh ra, khi còn nhỏ và lớn lên ông được chứng kiến là bố mẹ ông đã sử dụng đất ao đó là đất tăng gia của gia đình và hiện nay đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2023 ông K có làm thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông K nhưng ông không đồng ý vì lý do đó là đất của bố mẹ để lại nên phải chia đều cho các anh chị em trong gia đình. Khi ông K đi bộ đội từ năm 1978 khoảng 03 năm sau thì ông K về ở trên nhà đất của bố mẹ, sau đó ông K lấy vợ vì gia đình đông con nên vợ chồng ông K ra ở riêng trên đất ao thời gian khoảng 3 -4 năm, sau đó vì ao ngập lụt nên vợ chồng ông K lại về ở trên đất thổ cư của bố mẹ. Khi mẹ ông còn sống, gia đình ông đã phân chia đất ở cho ba anh em trai đều nhau, ông sử dụng 02 phần bao gồm phần của ông và phần của ông T1, còn lại phần đất của ông K hiện nay ông K đã xây nhà thờ trên đất. Còn lại diện tích đất ao chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hàng năm ông và ông K đã lấp ao thành đất cư, ông đang sử dụng một phần để làm chuồng lợn chăn nuôi, phần còn lại để không chưa có ai sử dụng. Nay ông K yêu cầu xác nhận thửa đất thổ cư số 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600 m^2 là của ông K để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quan điểm ông không nhất trí. Tại phiên toà ông K xin rút đơn khởi kiện thì ông không có ý kiến gì mà ông vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là quyền sử dụng đất ao của bố mẹ ông để lại làm 6 phần cho 6 anh chị em vì đó là đất của bố mẹ để lại, phần của ông được hưởng thì ông xin được sử dụng bằng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị M đều trình bày: Các bà là em gái ruột của ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T. Về quan hệ gia đình như ông K đã trình bày ở trên. Ông Nguyễn Văn K có thửa đất ao số thửa 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600m^2. Nguồn gốc đất là của ông K sử dụng từ năm 1987, do ông K đi bộ đội về địa phương, khi đó gia đình các bà thuộc diện đông nhân khẩu nên ông K có xin cấp đất và được UBND xã B (cũ) giao cho thửa đất đó để ở, vợ chồng ông K đã làm nhà tranh vách đất ăn ở trên đất từ năm 1987, cho đến năm 2003 ông K ly hôn vợ là bà Nghiêm Thị N2 sau đó lại kết hôn với vợ hai là B, ông K tuy không sống tại địa phương nhưng hàng năm giỗ tết ông K vẫn về nhà và quản lý tài sản là thửa đất nói trên. Do ông đi làm ăn xa nên ông T là em trai có sử dụng nhờ phần diện tích đất của vợ chồng ông K để chăn nuôi. Bản chất thì đó là đất của ông K được giao sử dụng từ trước đó, không phải là đất của ông T. Thửa đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2023 ông

K có làm thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã đã làm các thủ tục niêm yết thông báo công khai, trong quá trinh thực hiện công khai hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận thì ông Nguyễn Văn T là em trai đã có đơn đến UBND xã cản trở việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K do vậy hiện nay ông K vẫn chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về đất thổ cư của bố mẹ các bà đã được phân chia thừa kế xong nên không có liên quan gì đến phần diện tích đất của ông K đang khởi kiện. Nay ông K có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết việc xác nhận thửa đất thổ cư số 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600m^2 là của ông K để ông K làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quan điểm của chị em bà đều đồng ý và thừa nhận thửa đất đó là của ông K, không liên quan gì đến bố mẹ và chị em các bà. Đối với yêu cầu phản tố của ông T về việc chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất ao số thửa 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600m^2 theo quy định pháp luật, cụ thể chia đất làm 6 phần cho 6 anh chị em thì quan điểm của các bà đều cho rằng đó là đất của ông K không phải là đất của bố mẹ nên các bà không nhất trí chia thừa kế. Nếu Toà án giải quyết phân chia thừa kế đối với thửa đất nêu trên thì toàn bộ phần thừa kế mà chị em các bà được hưởng đều cho ông K toàn quyền sử dụng, các bà không có yêu cầu đề nghị gì vì đó là công sức của ông K, không phải là tài sản của gia đình. Do điều kiện công việc nên chị em các bà đều có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị A, chị Nguyễn Thị Á, anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N đều là các con của ông Nguyễn Văn T1 đã được Toà án triệu tập nhưng không có mặt tại địa phương nơi cư trú, ông K và ông T đều cho biết các anh chị đã đi làm ở Trung Quốc không có địa chỉ nên Toà án không lấy được lời khai và quan điểm của các anh chị.

Xác minh tại UBND xã L (nay là xã V) ngày 25/02/2025 cho biết: Căn cứ phiếu xác nhận diện tích đất đai xã B quyển số 01 - thôn P thể hiện: Chủ sử dụng đất Nguyễn Văn K sinh năm 1962, địa chỉ thôn P, xã B có tổng số thửa đất sử dụng theo hiện trạng là 02 thửa với tổng diện tích 807.2 m^2 gồm thửa số 88 tờ bản đồ 22 diện tích 540.8 m^2 và thửa số 584 tờ bản đồ 24 diện tích 266.4 m^2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, địa chỉ tại thôn P, xã B có tổng số thửa đất sử dụng theo hiện trạng là 07 thửa với tổng diện tích là 2642.1 m^2 (*trong đó có*

thửa đất số 54, tờ bản đồ số 22, diện tích 406.5 m^2). Căn cứ biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ở thôn P xã B quyển số 01 thể hiện: Ngày 30/8/2010 đã tiến hành khảo sát, xác định ranh giới thửa đất thực địa của hộ ông Nguyễn Văn K - Nguyễn Thị B đang sử dụng tại thôn P xã B thửa đất tiếp giáp 08 hộ (*có biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới kèm theo*). Ông Nguyễn Văn T - bà Lê Thị T2 đang sử dụng thửa đất có các chiều tiếp giáp với các hộ (*có biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới kèm theo*), (*Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất có chữ ký của ông Lê Văn K1 - Chu tịch UBND xã, Ông Nguyễn Kiều H - Tổ trưởng tổ đo đạc, ông Trần Văn N3 - Cán bộ địa chính*); Sổ mục kê và sổ địa chính: Không có thông tin thửa đất; Bản đồ 299 (lập năm 1997) thể hiện: Tờ bản đồ số 10a, thửa đất số 389, diện tích 485m^2 loại đất ao; Bản đồ VN 2000 thể hiện: Thửa số 88 tờ bản đồ số 22, diện tích 540.8m^2, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Tại biên bản hòa giải ngày 06/05/2024 của UBND xã B về việc hòa giải tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T tại phần nội dung buổi hòa giải cán bộ địa chính xã đã cung cấp thông tin thửa đất theo bản đồ đo vẽ hệ tọa độ VN2000 như sau: Thửa đất số 88 tờ bản đồ 22 diện tích 644.9 m^2 (*Diện tích cung cấp theo số liệu tại mảnh trích đo địa chính số 41 - 2023 ngày 09/11/2023 do gia đình ông K tự thuê đo đạc thể hiện thửa đất có diện tích là 644.9* m^2 *và có xác nhận của văn phòng Đ chi nhánh V, các hộ giáp ranh liền kề đã ký xác nhận*). Theo Bản đồ hệ tọa độ VN2000 đo năm 2010 là thửa số 88 diện tích 540.8 m^2, chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Văn K. Như vậy sổ mục kê không thể hiện thông tin thửa đất số 389 tờ bản đồ số 10a diện tích 485m^2 đứng tên ai là chủ sử dụng đất. Nay ông K có đơn khởi kiện ông T yêu cầu xác nhận thửa đất nói trên là của ông K, ông T có đơn yêu cầu phản tố đề nghị chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên. Quan điểm của UBND xã đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 192, Điều 217, Điều 218, Điều 243, Điều 244, Điều 245 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 33 Điều 3, Điều 136, Điều 137, Điều 236 Luật đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Xử: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông K

về việc yêu cầu xác nhận thửa đất thổ cư số 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600m² là của ông K.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của các cụ Nguyễn Văn N4, Nghiêm Thị L (bố mẹ ông K, ông T) đối với thửa đất thổ cư số 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600 m^2, địa chỉ thôn P, xã L, huyện V (nay là thôn P, xã V, tỉnh Phú Thọ).

Về án phí: Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K có đơn khởi kiện yêu cầu xác nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 389, tờ bản đồ số 10a diện tích khoảng 600m². Quá trình giải quyết, tại phiên tòa ông K tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Việc rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông K. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có yêu cầu phản tố về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, yêu cầu phản tố hợp lệ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên được xác định quan hệ tranh chấp về chia di sản thừa kế theo đơn yêu cầu của bị đơn đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã V, tỉnh Phú Thọ), tài sản đang tranh chấp ở tại xã L, huyện V (N là xã V, tỉnh Phú Thọ). Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 217 Hội đồng xét xử thay đổi tư cách đương sự bị đơn trở thành nguyên đơn và nguyên đơn trở thành bị đơn.

Về sự vắng mặt của các đương sự là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, các đương sự đều đã có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

[2.1]. Về hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Ngọc N1 (đã chết năm 2001) và cụ

Nghiêm Thị L (chết năm 2014). Cụ N1 và cụ L sinh được 06 người con là: ông Nguyễn Văn T1 (đã chết năm 2002), ông là Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị M. Do vậy hàng thừa kế thứ nhất của cụ N1 và cụ L là ông là Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị M. Do ông T1 chết năm 2002 (trước thời điểm cụ L chết) nên các con của ông T1 là chị Nguyễn Thị A, chị Nguyễn Thị Á, anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N được xác định là hàng thứa kế thế vị.

[2.2]. Về di sản thừa kế: Đối với diện tích đất đang có tranh chấp theo ông K cho rằng đất được UBND xã B (cũ) giao cho ông sử dụng từ năm 1987, ông đã làm nhà, sinh sống ổn định, không phải là đất của bố mẹ để lại. Tuy nhiên ông T cho rằng thửa đất là của bố mẹ để lại, chưa chia thừa kế nên ông T yêu cầu được chia đều cho các anh chị em. Ba người em gái (bà Q, bà Y, bà M) đều xác nhận đất là của ông K được giao từ năm 1987, không phải tài sản của bố mẹ. Xác minh tại UBND xã L cho biết: Căn cứ phiếu xác nhận diện tích đất đai xã B quyển số 01 - thôn P thể hiện: Chủ sử dụng đất Nguyễn Văn K sinh năm 1962, địa chỉ thôn P, xã B có tổng số thửa đất sử dụng theo hiện trạng là 02 thửa với tổng diện tích 807.2 m^2 gồm thửa số 88 tờ bản đồ 22 diện tích 540.8 m^2 và thửa số 584 tờ bản đồ 24 diện tích 266.4 m^2. Như vậy, theo hồ sơ đo đạc 2010, thửa đất số 88, diện tích 540,8m^2 đứng tên hộ ông K, do ông K quản lý, sử dụng và xây nhà ở cho đến hiện nay, các hộ giáp ranh đều xác nhận. Bản đồ 299 thể hiện thửa 389 là đất ao, diện tích 485m^2.

Xét lời khai của các bên đương sự cũng như người làm chứng (là các hộ dân sử dụng đất liền kề), các tài liệu, chứng cứ: Có cơ sở xác định thửa đất tranh chấp do ông Nguyễn Văn K trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay; đã xây dựng nhà ở, nhà thờ. Quá trình sử dụng đất không có bất cứ văn bản, tài liệu gì thể hiện là đất của bố mẹ ông K và ông T để lại. Việc ông T cho rằng đất là của bố mẹ để lại nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Do đó, không có căn cứ xác định đây là di sản thừa kế của cụ N1 và cụ L để lại. Do không phải di sản thừa kế nên yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 389, tờ bản đồ số 10a là không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên toà về việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, tuy nhiên đối với đề nghị đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Hội đồng xét xử nhận thấy chưa phù hợp nên không được chấp nhận mà cần bác yêu cầu

phản tố của bị đơn.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn K là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612 và Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 33 Điều 3, Điều 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 244, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về việc: "Xác nhận quyền sử dụng thửa đất số 389, tờ bản đồ số 10a, diện tích khoảng 600m^2 tại thôn P, xã B (nay là xã V), huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) thuộc quyền sử dụng của ông K".

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005363 ngày 16/01/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Phú Thọ). Ông Nguyễn Văn K là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 10;
- Phòng THADS Khu vực 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải